

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 17 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh theo phân cấp.

2. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 17 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 4 năm 2024./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**
(Kèm theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3
năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Bắc Kạn để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo định mức chi tương ứng tại Quy định này.
3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn vốn khác được khuyến khích áp dụng định mức theo Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Định mức chi tại Quy định này là định mức tối đa áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp tỉnh có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương.
2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và công nghệ, định mức chi không quá 50% định mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này.
3. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học

và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (*Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN*).

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Định mức làm căn cứ lập dự toán của tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ. Công thức tính thù lao cụ thể của từng chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

- Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định.

- Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao một tháng chia cho 22 ngày.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu:

a) Chi hội nghị, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu:

STT	Nội dung	Mức chi
1	Chi hội nghị, công tác phí trong nước	Thực hiện theo Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức chi công tác phí, hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, đơn vị lực lượng vũ trang có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.

STT	Nội dung	Mức chi
2	Chi công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài	Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.
3	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế	Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước có sử dụng ngân sách tỉnh Bắc Kạn.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Người chủ trì	Buổi	1.400
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	350
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.100
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	200

3. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh do ngân sách địa phương đảm bảo.

4. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Chi họp Hội đồng tự đánh giá	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		650
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		550
-	Thư ký khoa học		120
-	Thư ký hành chính		120
-	Đại biểu được mời tham dự		100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		250
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		400

5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 05% (năm phần trăm) tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 225 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 5. Một số mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
-	Chủ tịch hội đồng		1.100
-	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800
-	Thư ký khoa học		240
-	Thư ký hành chính		240
-	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		350
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		550
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		500
-	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
-	Chủ tịch hội đồng		1.300
-	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.100
-	Thư ký khoa học		240
-	Thư ký hành chính		240
-	Đại biểu được mời tham dự		150

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		800
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		1.300
-	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.100
-	Thư ký khoa học		240
-	Thư ký hành chính		240
-	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng		500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		800
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.100

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 04 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này./.